

Báo cáo cập nhật KQKD Quý 3/2026 – BMP

HOSE · **BMP** · Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (Binh Minh Plastics)

LNST · Q3

319tỷ đồng · **-8,9% YoY**

DOANH THU THUẦN · Q3

1.463tỷ đồng · **-4,5% YoY**

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

40,3%

-7,6 điểm % YoY

ROE · TRƯỢT 4 QUÝ

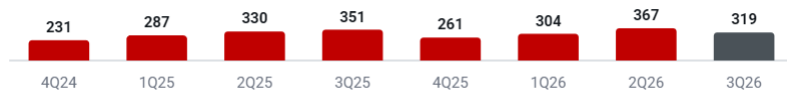
39,6%

ROA 32,4% · vay chỉ 55 tỷ

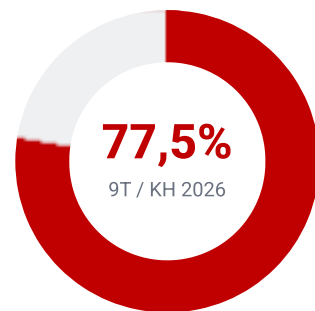
ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 3/2026

Sau sáu quý tăng trưởng liên tiếp, LNST Quý 3 của BMP giảm còn **319 tỷ đồng (-8,9% YoY)** trên doanh thu **1.463 tỷ đồng (-4,5% YoY)**. Giá vốn tăng 9,4% kéo biên gộp từ **47,9% xuống 40,3%**; chi phí phân phối và chiết khấu thanh toán giảm 130 tỷ, bù phần lớn mức hụt 145 tỷ của lợi nhuận gộp. **TCBS Research** đánh giá nền tài chính của BMP vẫn vững, nhưng **tiềm năng tăng trưởng thời gian tới không cao**: giá nhựa PVC vẫn dao động ở vùng cao so với năm 2025 do tác động của biến động giá dầu trong bối cảnh địa chính trị bất ổn, trong khi giá bán không thể điều chỉnh theo kịp mức tăng của nguyên liệu đầu vào. Nhà đầu tư nên tiếp tục theo dõi thêm và chỉ nên giải ngân khi giá cổ phiếu chiết khấu mạnh.

LNST theo quý · tỷ đồng



TIẾN ĐỘ LỢI NHUẬN NĂM



* Trên kế hoạch LNST 2026 là 1.278 tỷ đồng theo ĐHCĐ 29/04/2026; kế hoạch doanh thu 6.053 tỷ mới đạt 70,0%.

ĐIỂM NHẤN

77,5% 9T đạt 77,5% kế hoạch lợi nhuận năm
KH LNST 9T LNST 9T 990 tỷ (+2,4%) · Quý 4 cần ~288 tỷ

-126 Chi phí hỗ trợ kênh bán giảm 54%
TỶ HỖ TRỢ chiết khấu và CP phân phối 108 tỷ so 234 tỷ

2.128 Tiền ròng bằng 18,8% vốn hóa
TIỀN RÒNG tiền + đầu tư TC 2.183 tỷ · vay 55 tỷ

CẦN THEO DÕI

40,3% Biên gộp thấp nhất kể từ đầu năm 2024
BIÊN GỘP -7,6 điểm % YoY · 1 điểm % ≈ 14,6 tỷ/quý

+9,4% Giá vốn tăng khi doanh thu giảm
GIÁ VỐN PVC mua giá cao, giá bán không theo kịp

97,7% Dự phóng LNST 2026 dưới kế hoạch
DỰ PHÓNG/KH 1.249 tỷ (+1,6%) · Quý 4 ước tính ~259 tỷ (-1%)

TRIỂN VỌNG 2026

Giá PVC đã hồi lại từ đầu Quý 4 và vẫn ở vùng cao so với năm 2025, trong khi giá bán khó tăng thêm, nên áp lực lên biên gộp nhiều khả năng còn kéo dài trong Quý 4. **TCBS Research** điều chỉnh giảm dự phóng 2026: doanh thu **5.587 tỷ đồng (+1,4%)**, LNST **1.249 tỷ đồng (+1,6%)**, bằng 97,7% kế hoạch. Dự phóng ước tính Quý 4 lãi khoảng 259 tỷ (-1% YoY), với biên gộp thấp hơn Quý 3.

LNST 2026F · DỰ PHÓNG TCBS

1.249tỷ đồng · **+1,6% YoY**
doanh thu 5.587 tỷ (+1,4%)

EPS 2026F

15.254đồng/cp · **+1,6% YoY**
fwd P/E 9,0x

BIÊN LN GỘP 2026F

41,9%thấp hơn 2,8 điểm %
so 9T (44,7%)

TỶ SUẤT CỔ TỨC 2026F

10,7%~14.800 đ/cp theo thị giá
2025: 14.860 đ/cp

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 19/10/2026

GIÁ · ĐỒNG

138.000

VỐN HÓA · TỶ Đ

11.297

P/E · LẦN

9,0

P/B · LẦN

3,6

SH NƯỚC NGOÀI

82,3%

SLCP · TRIỆU

81,9

1. Đánh giá của TCBS

Quan điểm về kết quả Quý 3/2026, biên gộp và dự phóng năm 2026

TCBS Research đánh giá Quý 3/2026 của BMP **kém tích cực, nhưng mức giảm lợi nhuận nhỏ hơn nhiều so với mức giảm biên gộp**. LNST đạt **319 tỷ đồng (-8,9% YoY; -13,0% QoQ)**, khép lại chuỗi sáu quý tăng trưởng liên tiếp, trên doanh thu thuần **1.463 tỷ đồng (-4,5% YoY; +10,9% QoQ)**. Giá vốn tăng 9,4% trong khi doanh thu giảm khiến lợi nhuận gộp giảm 19,7% còn 590 tỷ, biên gộp **40,3%**, thấp nhất kể từ đầu năm 2024. Phần lớn mức hụt được bù ở khâu chi phí: chi phí hệ thống phân phối chỉ còn **39 tỷ đồng (cùng kỳ 133 tỷ)** và chiết khấu thanh toán còn **42 tỷ (cùng kỳ 79 tỷ)**, nhờ đó LNTT chỉ giảm 9,3% còn 399 tỷ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu 4.240 tỷ (+0,4%) và LNST 990 tỷ (+2,4%), tương ứng **70,0% kế hoạch doanh thu và 77,5% kế hoạch lợi nhuận** năm 2026.

Biên gộp là điểm kém tích cực nhất của quý này, và nguyên nhân gốc là giá PVC: nguyên liệu mua ở mặt bằng giá cao của nửa đầu năm đi vào giá vốn Quý 3, trong khi BMP không thể tăng giá bán tương ứng trong môi trường cạnh tranh. Ba khoản hỗ trợ kênh bán hàng (chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và chi phí hệ thống phân phối) giảm từ **234 tỷ xuống 108 tỷ đồng**. Việc cắt giảm hỗ trợ đại lý bù được phần lớn mức hụt biên gộp, nhưng với chi phí hệ thống phân phối chỉ còn 39 tỷ, dư địa để cắt tiếp không còn nhiều. Từ đầu Quý 4, giá PVC hồi lại và vẫn dao động ở vùng cao so với năm 2025, nên TCBS Research đánh giá **tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận ngắn hạn của BMP không cao** và điều chỉnh giảm dự phóng LNST 2026 xuống 1.249 tỷ đồng (+1,6%). Với thị giá 138.000 đồng (19/10/2026), cổ phiếu giao dịch ở **P/E trượt 4 quý 9,0 lần**, P/B 3,6 lần; tỷ suất cổ tức tiền mặt 12 tháng **10,8%** vẫn là điểm tựa chính của cổ phiếu.

DỰ PHÓNG 2026 THEO TCBS RESEARCH

- 01 Doanh thu 5.587 tỷ đồng (+1,4%), LNST 1.249 tỷ (+1,6%), EPS 15.254 đồng.** Biên gộp 41,9%, ROE 43,3%; theo thị giá 19/10, P/E dự phóng là 9,0 lần và P/B dự phóng 3,9 lần.
- 02 Dự phóng ước tính Quý 4 lãi khoảng 259 tỷ (-1% YoY)** trên 1.347 tỷ doanh thu (+4,8%), đưa LNST năm lên 97,7% kế hoạch 1.278 tỷ. Mô hình giả định biên gộp Quý 4 thấp hơn Quý 3, bù lại chi phí bán hàng và quản lý chỉ khoảng 124 tỷ so với 234 tỷ cùng kỳ; giữ được mức chi phí này hay không là biến số chính của Quý 4.
- 03 Cổ tức.** Tỷ suất dự phóng 10,7%, tương đương khoảng 14.800 đồng/cp theo thị giá, khoảng 97% EPS dự phóng. Cổ tức năm 2025 là 14.860 đồng/cp (tạm ứng 6.500 đồng tháng 12/2025, đợt 2 là 8.360 đồng tháng 6/2026); lợi nhuận chưa phân phối cuối Quý 3 đạt 1.149 tỷ, khoảng 14.000 đồng/cp.

2. Kết quả kinh doanh Quý 3/2026

Doanh thu, lợi nhuận và tiến độ so kế hoạch năm

Quý 3/2026, LNST của BMP đạt **319 tỷ đồng, giảm 8,9% so cùng kỳ** và 13,0% so quý liền trước. Doanh thu 1.463 tỷ đồng tăng 10,9% QoQ theo mùa xây dựng nhưng thấp hơn 4,5% so với nền cao 1.532 tỷ của Quý 3/2025. LNTT 399 tỷ đồng (-9,3% YoY).

CÁC NHẬN XÉT CHÍNH

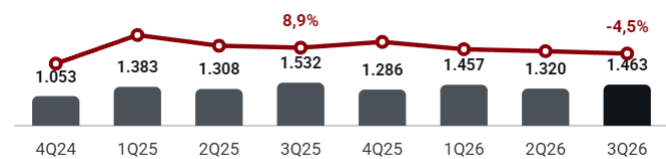
- 01 Biên gộp giảm 7,6 điểm % xuống 40,3%.** Giá vốn tăng 9,4% lên 873 tỷ trong khi doanh thu giảm 4,5%, nên lợi nhuận gộp chỉ còn 590 tỷ (-19,7%). Ở quy mô doanh thu hiện tại, mỗi điểm % biên gộp tương đương khoảng 14,6 tỷ đồng lợi nhuận gộp mỗi quý.
- 02 Chi phí bán hàng giảm 33,4%, chi phí tài chính giảm 46,7%,** nhờ chi phí phân phối và chiết khấu thanh toán giảm. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp còn 174 tỷ, bằng 11,9% doanh thu so với 15,8% của Quý 3/2025.
- 03 9 tháng đạt 77,5% kế hoạch lợi nhuận nhưng mới 70,0% kế hoạch doanh thu.** Để đạt mục tiêu 6.053 tỷ, Quý 4 cần 1.813 tỷ doanh thu (+41% YoY), khả năng thấp; mục tiêu lợi nhuận chỉ cần Quý 4 lãi khoảng 288 tỷ (+10% YoY).

LỢI NHUẬN SAU THUẾ 319 tỷ đồng · -8,9% YoY	DOANH THU THUẦN 1.463 tỷ đồng · -4,5% YoY	LỢI NHUẬN GỘP 590 tỷ đồng · biên gộp 40,3%
CHI PHÍ BH & QLDN 174 tỷ đồng · -28,1% YoY · 11,9% DT	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 399 tỷ đồng · -9,3% YoY	EPS TRƯỢT 4 QUÝ 15.292 đồng/cp · +4,5% YoY

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3/2026	Q3/2025	%YoY	Q2/2026	%QoQ
Doanh thu thuần	1.463	1.532	-4,5	1.320	+10,9
Giá vốn hàng bán	(873)	(798)	+9,4	(703)	+24,2
Lợi nhuận gộp	590	734	-19,7	617	-4,4
Biên lợi nhuận gộp (%)	40,3	47,9	-7,6đ	46,7	-6,4đ
Chi phí tài chính (chủ yếu chiết khấu thanh toán)	(43)	(80)	-46,7	(38)	+10,6
Chi phí bán hàng	(136)	(204)	-33,4	(110)	+23,8
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(38)	(37)	+1,0	(39)	-3,0
Lợi nhuận trước thuế	399	440	-9,3	459	-13,0
Lợi nhuận sau thuế	319	351	-8,9	367	-13,0
EPS quý (đồng)	3.901	4.283	-8,9	4.486	-13,0

■ Doanh thu thuần theo quý

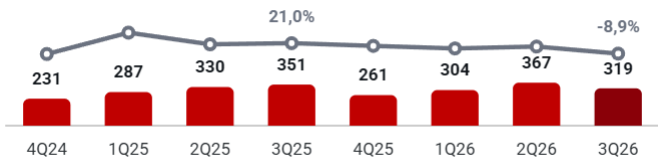
Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

■ Lợi nhuận sau thuế theo quý

Tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

3. Phân tích các chỉ số tài chính

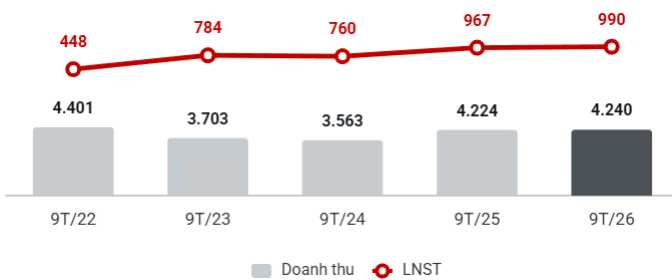
Trực phân tích ngành ống nhựa xây dựng: doanh thu và kênh bán, biên gộp và chính sách chiết khấu, bảng cân đối, sinh lời và cổ tức

3.1. Doanh thu & thị trường đầu ra: quy mô đi ngang

Doanh thu đi ngang là điểm chung của cả năm nay. Quý 3 đạt **1.463 tỷ đồng (-4,5% YoY)**; lũy kế 9 tháng **4.240 tỷ (+0,4%)**, trong đó thành phẩm ống và phụ tùng 4.104 tỷ (+0,4%), chiếm 97% doanh thu, còn hàng hóa thương mại 136 tỷ (-0,9%). Chiết khấu thương mại ghi giảm trừ doanh thu Quý 3 tăng lên **26,5 tỷ (+21,3% YoY)**, dù lũy kế 9 tháng vẫn đi ngang ở 70,3 tỷ.

■ Doanh thu và LNST 9 tháng qua các năm

Tỷ đồng · cột: doanh thu, đường: LNST (trục phải)



■ **Tăng trưởng đến từ biên lợi nhuận, không phải quy mô.** Doanh thu 9 tháng 2026 vẫn thấp hơn mức 4.401 tỷ của 9 tháng 2022, trong khi LNST cùng kỳ gấp 2,2 lần. BMP không công bố sản lượng theo quý, tuy nhiên TCBS Research ước tính mức giảm doanh thu Quý 3 chủ yếu đến từ sản lượng, vì giá bán đã tăng từ đầu năm.

Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

■ **Đánh giá:** kế hoạch doanh thu 6.053 tỷ (+9,9%) đòi hỏi Quý 4 đạt 1.813 tỷ, tăng 41% so cùng kỳ, nên khả năng hoàn thành thấp. Dự phóng 5.587 tỷ của TCBS Research thận trọng hơn, chỉ hàm ý Quý 4 tăng 4,8%. Mùa xây dựng cuối năm hỗ trợ nhu cầu, nhưng với nhịp 9 tháng gần như đi ngang, mức tăng này khó đạt.

3.2. Biên lợi nhuận gộp, giá vốn & chính sách chiết khấu

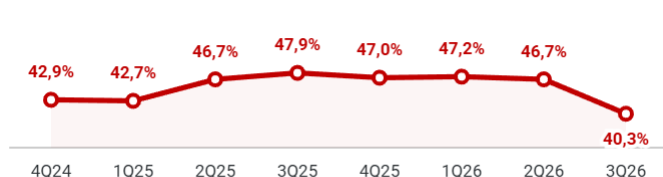
Biên gộp **40,3%**, giảm 7,6 điểm % so cùng kỳ và 6,4 điểm % so quý trước, thấp nhất kể từ đầu năm 2024; tính 9 tháng là 44,7% so với 45,8% cùng kỳ. Giá PVC lập đỉnh trong tháng 3/2026 và giữ mặt bằng cao suốt Quý 2; với khoảng 65 ngày tồn kho, nguyên liệu mua ở vùng giá này đi vào giá vốn Quý 3.

■ **Hỗ trợ kênh phân phối giảm mạnh.** Theo thuyết minh BCTC, Quý 3 chi phí hệ thống phân phối chỉ còn **39,4 tỷ đồng (-70,4% YoY)**, chiết khấu thanh toán (ghi vào chi phí tài chính) **42,5 tỷ (-46,5%)**, còn chiết khấu thương mại tăng lên 26,5 tỷ. Tổng ba khoản 108 tỷ so với 234 tỷ cùng kỳ, giảm 126 tỷ, gần bằng mức giảm 145 tỷ của lợi nhuận gộp.

■ **Đánh giá:** giá vốn tăng trong khi doanh thu giảm chủ yếu do nguyên liệu PVC giá cao; giá bán dù đã tăng từ đầu năm vẫn không theo kịp. Mức giảm lợi nhuận gộp gần tương đương mức cắt giảm chi phí hỗ trợ kênh cho thấy BMP đã dùng chính sách bán hàng để giữ lợi nhuận, nên biên LNTT (27,3% so với 28,7% cùng kỳ) phản ánh sát hơn mức suy giảm thực tế. Với giá PVC vẫn ở vùng cao đầu Quý 4, dự phóng TCBS Research giả định biên gộp cả năm 2026 chỉ 41,9%.

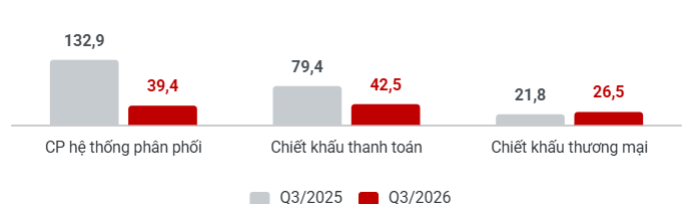
■ Biên lợi nhuận gộp theo quý

% · giá vốn chủ yếu là hạt nhựa PVC



■ Chi phí hỗ trợ kênh bán hàng Quý 3

Tỷ đồng · Q3/2025 và Q3/2026, theo thuyết minh BCTC



Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

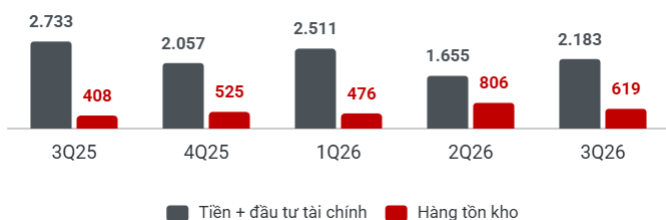
3.3. Bảng cân đối: tồn kho, tiền ròng & dòng tiền

Cuối Quý 3/2026, tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt **2.183 tỷ đồng**, bằng **58,3% tổng tài sản** 3.748 tỷ, trong khi nợ vay chỉ 55 tỷ; tiền ròng khoảng **2.128 tỷ, tương đương 18,8% vốn hóa**. Tồn kho (giá gốc) giảm còn **624 tỷ đồng, -23,0% so cuối Quý 2** (810 tỷ) nhưng vẫn cao hơn 17,8% so đầu năm.

- **Quý 3 giải phóng phần lớn lượng hàng tích lũy.** Theo thuyết minh BCTC, nguyên vật liệu cùng hàng mua đang đi đường giảm còn 204 tỷ từ 314 tỷ cuối Quý 2, thành phẩm còn 310 tỷ từ 366 tỷ. Thành phẩm vẫn cao hơn 24% so với 250 tỷ đầu năm, chiếm một nửa tồn kho, nên tốc độ tiêu thụ Quý 4 cần được theo dõi.
- **Đánh giá:** dòng tiền kinh doanh Quý 3 đạt 548 tỷ nhờ giảm tồn kho, lũy kế 9 tháng 827 tỷ, bằng 0,84 lần LNST. Phải thu ngắn hạn tăng lên 267 tỷ, trong đó phải thu khách hàng 136 tỷ (đầu năm 64 tỷ) và trả trước người bán 129 tỷ (đầu năm 33 tỷ). Chi đầu tư 9 tháng khoảng 146 tỷ, vượt mức cả năm 2025 (126 tỷ), và cam kết đầu tư đã ký tăng lên 141 tỷ từ 59 tỷ đầu năm. Quy mô này nhỏ so với lượng tiền, không ảnh hưởng khả năng chi cổ tức.

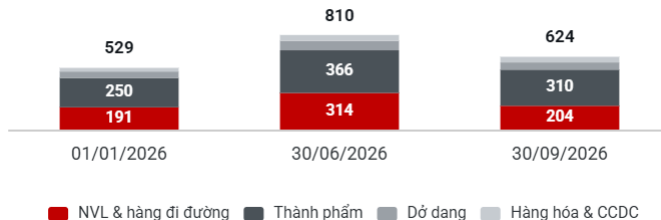
■ Tiền + đầu tư tài chính và hàng tồn kho

Tỷ đồng · cuối quý



■ Cơ cấu hàng tồn kho (giá gốc)

Tỷ đồng · đầu năm, cuối Quý 2 và cuối Quý 3/2026



Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

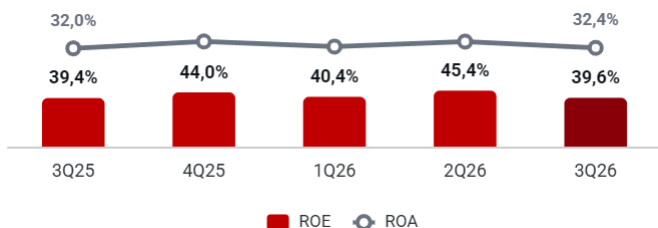
3.4. Khả năng sinh lời & cổ tức

ROE trượt 4 quý giảm còn **39,6%** từ 45,4% cuối Quý 2, ROA 32,4%. Phần lớn mức giảm mang tính thời điểm: vốn chủ cuối Quý 3 (3.171 tỷ) cao hơn do chưa chi tạm ứng cổ tức, trong khi Quý 2 vừa chi đợt 2/2025; LNST trượt 4 quý chỉ giảm nhẹ xuống 1.252 tỷ từ 1.283 tỷ. Biên lợi nhuận ròng trượt 4 quý 22,7%, đòn bẩy tài sản trên vốn chủ chỉ 1,2 lần; sinh lời cao của BMP đến từ biên lợi nhuận, không nhờ vay nợ.

- **Cổ tức vẫn là trụ cột.** Cổ tức tiền mặt năm 2025 đạt 14.860 đồng/cp, tương đương 99% EPS năm, cao nhất trong năm gần đây. Năm 2025 đợt tạm ứng được công bố ngày 30/10/2025; với lợi nhuận chưa phân phối 1.149 tỷ đồng cuối Quý 3/2026, nguồn cho đợt tạm ứng năm nay dồi dào.
- **Đánh giá:** EPS trượt 4 quý 15.292 đồng và BVPS 38.741 đồng cho P/E 9,0 lần, P/B 3,6 lần. Theo dự phóng, P/E 2026 cũng ở mức 9,0 lần và tỷ suất cổ tức 10,7%. Với LNST 2026 gần như đi ngang (+1,6%) và 2027 chỉ tăng 6,4%, mức định giá hiện tại đã phản ánh triển vọng tăng trưởng thấp; sức hút của cổ phiếu nằm ở cổ tức nhiều hơn ở tăng trưởng.

■ ROE & ROA

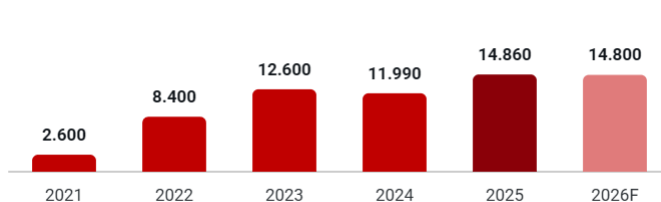
% · trượt 4 quý · cột: ROE, đường: ROA (trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

■ Cổ tức tiền mặt theo năm cổ tức

Đồng/cổ phiếu · 2026F quy đổi từ tỷ suất dự phóng



Nguồn: Công bố thông tin Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

Phụ lục – Số liệu BCTC Quý 3/2026

Trích lược bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm quý gần nhất

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026	Q3/2026
Tiền & tương đương tiền	803	297	963	380	713
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.930	1.760	1.548	1.275	1.470
Phải thu ngắn hạn	206	129	143	216	267
Hàng tồn kho	408	525	476	806	619
Tài sản ngắn hạn	3.391	2.758	3.181	2.737	3.118
Tài sản cố định	261	266	289	302	336
Tài sản dài hạn	580	620	635	618	630
TỔNG TÀI SẢN	3.971	3.379	3.816	3.355	3.748
Nợ phải trả	823	501	634	503	576
Trong đó: vay ngắn hạn	55	55	55	55	55
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	3.148	2.877	3.181	2.852	3.171

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026	Q3/2026
Doanh thu thuần	1.532	1.286	1.457	1.320	1.463
Giá vốn hàng bán	(798)	(682)	(769)	(703)	(873)
Lợi nhuận gộp	734	604	688	617	590
Biên lợi nhuận gộp (%)	47,9	47,0	47,2	46,7	40,3
Chi phí bán hàng & QLDN	(242)	(234)	(282)	(149)	(174)
Lợi nhuận trước thuế	440	328	380	459	399
Lợi nhuận sau thuế	351	261	304	367	319
EBITDA	516	395	431	494	443
EPS trượt 4 quý (đồng)	14.638	15.010	15.218	15.673	15.292

Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

Phụ lục – Mô hình tài chính & dự phóng theo năm · 2021 – 2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các dòng tỷ lệ, lần, %, số ngày) · Cột 2026–2030 là số liệu dự phóng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS				
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng cổ phiếu (triệu)	81,9	81,9	81,9	81,9	81,9	81,9	81,9	81,9	81,9	81,9
P/E (lần)	14,3	4,9	6,5	9,4	11,0	9,0	8,5	8,0	7,5	7,0
EPS (đồng/cp)	2.618	8.481	12.716	12.102	15.010	15.254	16.239	17.293	18.422	19.630
P/B (lần)	1,3	1,3	2,5	3,5	4,7	3,9	3,9	3,9	3,9	3,8
BVPS (đồng/cp)	28.016	32.021	32.857	33.003	35.150	35.303	35.465	35.638	35.822	36.018
EV/EBITDA (lần)	9,1	4,2	5,6	7,2	6,5	6,2	5,8	5,4	5,1	4,8
ROE	9,0%	28,3%	39,2%	36,8%	44,0%	43,3%	45,9%	48,6%	51,6%	54,6%
Biên lợi nhuận gộp	15,5%	27,7%	41,0%	43,1%	46,1%	41,9%	41,9%	41,9%	41,9%	41,9%
Biên lợi nhuận hoạt động	7,4%	16,8%	25,9%	28,4%	30,2%	28,9%	28,9%	28,9%	28,9%	28,9%
Biên lợi nhuận ròng	4,7%	12,0%	20,2%	21,5%	22,3%	22,4%	22,2%	22,1%	22,0%	21,9%
Doanh thu / Tài sản	1,6	1,9	1,6	1,4	1,6	1,6	1,7	1,8	1,9	2,0
(Vay – Tiền) / Vốn CSH	-0,41	-0,48	-0,73	-0,69	-0,70	-0,68	-0,66	-0,65	-0,63	-0,61
Nợ phải trả / Vốn CSH	0,24	0,16	0,21	0,18	0,17	0,18	0,19	0,20	0,21	0,22
EBIT / Lãi vay (lần)	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
Vay / EBITDA (lần)	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Số ngày phải thu	30	18	12	14	9	4	4	4	4	4
Số ngày tồn kho	59	50	44	64	65	64	65	65	65	65
Capex / Tài sản cố định	42%	19%	20%	41%	47%	38%	43%	40%	39%	38%
Doanh thu thuần	4.553	5.808	5.157	4.616	5.510	5.587	5.978	6.396	6.844	7.323
Tăng trưởng doanh thu		28%	-11%	-10%	19%	1%	7%	7%	7%	7%
EBITDA	526	1.146	1.505	1.424	1.755	1.708	1.826	1.952	2.087	2.232
LNST cổ đông công ty mẹ	214	694	1.041	991	1.229	1.249	1.329	1.416	1.508	1.607
Tăng trưởng lợi nhuận		224%	50%	-5%	24%	2%	6%	7%	6%	7%
Tiền & đầu tư ngắn hạn	988	1.324	2.011	1.914	2.057	2.022	1.984	1.947	1.908	1.861
Phải thu ngắn hạn	370	279	174	178	129	65	69	74	79	85
Hàng tồn kho	619	577	364	464	525	573	614	657	703	752
Tổng tài sản	2.838	3.045	3.255	3.200	3.379	3.406	3.451	3.499	3.551	3.607
Vay ngắn hạn	57	55	55	55	55	55	55	55	55	55
Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng vay	57	55	55	55	55	55	55	55	55	55
Tổng nợ phải trả	545	423	565	499	501	516	548	582	619	658
Vốn chủ sở hữu	2.293	2.621	2.690	2.702	2.877	2.890	2.903	2.917	2.932	2.949
Cân đối vốn dài hạn	1.485	1.812	2.048	2.115	2.275	2.276	2.261	2.246	2.233	2.212
Dòng tiền tự do (FCF)	-190	729	1.545	792	1.093	1.200	1.277	1.363	1.453	1.542

Nguồn: BCTC hợp nhất Nhựa Bình Minh, TCBS Research.

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.